

Số: 954 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 30 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Công thương
áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Danh mục thủ tục hành chính đã chuẩn hóa về nội dung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2874/QĐ-BCT ngày 08/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 44/TTr-SCT ngày 23/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 10 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Công thương áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, tỉnh Cà Mau được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau công bố tại Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 và Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 12/8/2016.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục KSTTHC – VP Chính phủ;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- NC (Đ123);
- Lưu: VT, Tu111/5.

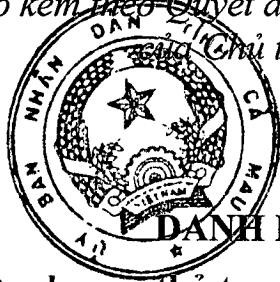
**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG ÁP DỤNG CHUNG
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, TỈNH CÀ MAU**

(Công bố kèm theo Quyết định số: 354 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



PHẦN I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
4	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
6	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
7	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện
8	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
10	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

2. Danh mục thủ tục hành chính bị sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định sửa đổi, bổ sung TTHC
1	T-CMU-286045-TT	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
2	T-CMU-286046-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
3	T-CMU-286047-TT	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
4	T-CMU-287537-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
5	T-CMU-	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản	

	286049-TT	phẩm rượu	- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.
6	T-CMU-286050-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	
7	T-CMU-286051-TT	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	
8	T-CMU-286052-TT	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
9	T-CMU-286053-TT	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
10	T-CMU-286054-TT	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	

PHẦN II

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

1.1. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

Trường hợp qua kiểm tra nhận thấy hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, Thương nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

1.2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

- Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá.

Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

- Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá.

- Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm).

- Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

1.8. Phí, lệ phí:

Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Phí thẩm định:

+ Khu vực khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Khu vực khác: là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá.
- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định.

- Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên.

- Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá.

- Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi:⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày. tháng.... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng .. năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị UBND huyện (quận)⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:⁽²⁾

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....⁽³⁾(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá

2.1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, Thương nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

2.2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp.

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND cấp huyện.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2.8. Phí, lệ phí: không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (theo mẫu tại Phụ lục 50 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá về sản xuất, kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- *Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.*

Phụ lục 50

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi:.....

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)... số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày..... tháng.....năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

+ Tên:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....

Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có)⁽¹⁾(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,.....)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:⁽²⁾

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm⁽³⁾

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....

- Thông tin mới:.....⁽³⁾

b) Đề nghị bổ sung:⁽⁴⁾(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

⁽⁴⁾: Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

3. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá

3.1. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, Thương nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

3.2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

1. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực. Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, tổ chức, cá nhân được cấp phép phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại;

b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

3.8. Phí, lệ phí:

Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- *Phí thẩm định:*

+ *Khu vực khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.*

+ *Khu vực khác: là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.*

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

+ Phụ lục 56 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT (đối với trường hợp do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy).

+ Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Là thương nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá về sản xuất, kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 năm 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- *Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.*

Phụ lục 56

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi:⁽¹⁾

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được UBND huyện (quận).....⁽¹⁾..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được UBND huyện (quận).....⁽¹⁾.....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày.... tháng...năm....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....⁽¹⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do⁽²⁾.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân xin cấp phép

⁽²⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Phụ lục 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Phòng Kinh tế-Hạ tầng/Phòng Kinh tế(1)

1. Tên thương nhân:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ... ngàytháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
- Đề nghị UBND huyện (quận)(1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(2)
 7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(3).....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

4. Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

4.1. Trình tự thực hiện:

- Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra. Nếu hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn; nếu hồ sơ chưa đủ, chưa đúng thì lập phiếu hướng dẫn một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng/Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4.3. Thành phần hồ sơ và số lượng hồ sơ:

4.3.1. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu tại Phụ lục 31;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

c) Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình;

d) Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh);

đ) Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;

e) Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

4.3.2. Số lượng hồ sơ: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu lập 02 bộ hồ sơ theo quy định.

4.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

4.8. Phí, lệ phí:

Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- *Phí thẩm định:*

+ *Khu vực khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.*

+ *Khu vực khác: là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.*

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu.

- Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định.

- Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu.

- Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho.

- Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Sở Công Thương tỉnh công bố.

- Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số

94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 31

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Phòng⁽¹⁾

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do.....
cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày
tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ
sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:
.....⁽²⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽³⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:
.....⁽²⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽³⁾

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:

.....⁽⁴⁾(ghi rõ
tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định
số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số

60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

(4): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

5.1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, Thương nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

5.2. Cách thức thực hiện: Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

5.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung.

- Bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp.

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

5.8. Phí, lệ phí: không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 33 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

Phụ lục 33

*(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp
lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày
tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu
số.....ngày..... tháng.....năm.....do....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm
rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy
phép kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào
nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị
dưới đây*):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức⁽²⁾ sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾ của
.....⁽⁴⁾ sản phẩm rượu có tên sau:⁽⁵⁾

Được phép tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố
⁽⁶⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾....
của⁽⁴⁾.... sản phẩm rượu có tên sau:
⁽⁵⁾

Được phép tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố
⁽⁶⁾

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:....

b) Đề nghị bổ sung:⁽⁷⁾...(ghi rõ tên doanh nghiệp).....
xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày
12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27
tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị
định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin
hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾ Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

⁽⁵⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

⁽⁶⁾: Ghi rõ tên của từng tỉnh, thành phố.

⁽⁷⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

6. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

6.1. Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu từ chối cấp phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do).

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, tổ chức, cá nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

6.2. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

6.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu.

- Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).

6.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế và Hạ tầng có văn bản yêu cầu bổ sung.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (đối với trường hợp cấp lại do hỏng, mất, thời hạn của giấy phép sẽ giữ nguyên như giấy phép cũ).

6.8. Phí, lệ phí:

Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Phí thẩm định:

+ Khu vực khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Khu vực khác: là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (theo mẫu tại Phụ lục 34 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 34

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

7. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

7.1. Trình tự thực hiện:

Người đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn chuẩn bị hồ sơ gửi tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện và giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), thời gian cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút;

- Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng (cơ quan thường trực Hội đồng bình chọn cấp huyện).

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng bình chọn cấp huyện có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận.

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả.

7.2. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7.3. Thành phần hồ sơ:

7.3.1. Thành phần hồ sơ gồm:

Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Mẫu số 01).

- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn (Mẫu số 02).

- 03 ảnh của sản phẩm, kích thước (9x12)cm.

- Các chứng nhận, chứng chỉ khác (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014.

7.3.2. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hội đồng bình chọn cấp huyện (Phòng kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện).

7.7. Phí, Lệ phí: Không.

7.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Quy định tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014.

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (phụ lục 01).

- Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn (phụ lục 02).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đáp ứng các quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Thông tư số 26/2014/TT-BCT, cụ thể:

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm).

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn.

- Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

+ Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất.

- + Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường.
- + Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ.
- + Tiêu chí khác.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi:.....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....Email:.....

Người đại diện:.....; Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số:Ngày cấp;.....

Ngành nghề kinh doanh (tóm tắt ngành nghề chính có liên quan):
.....

Địa điểm sản xuất:

Vốn đăng ký kinh doanh (nếu có) :... ..

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (đối với doanh nghiệp):.....

Tổng số lao động bình quân/năm:

Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

Tên sản phẩm tham gia bình chọn:

Mô tả tóm tắt về sản phẩm:

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26 /2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

**THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm:

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:.....

Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn:.....; Chức vụ:.. ..

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Email:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG CHÍNH

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:.....

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Về sản xuất, kinh doanh

- Quy mô sản xuất (Sp/năm) (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....

- Doanh thu của sản phẩm (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....

- Số lượng và doanh thu xuất khẩu năm trước và dự kiến năm hiện tại (nếu có):.....

- Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....

- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:.....
- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....
- Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm. Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất sản phẩm:.....
- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm:.....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP, ...) đang áp dụng (nếu có). Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.
- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn:.....
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác:.....
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm:...

1.2. Về thị trường

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước) và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....
- Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

2. Lao động, bảo vệ môi trường

2.1. Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng:.....
- Chất lượng lao động đang sử dụng:.....
- Thu nhập bình quân:..... VND/người/tháng

2.2. Về môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm:.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

- Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:.....
- Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....
- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.....

4. Một số nội dung khác

- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:.....

- Các giải thưởng, bằng khen, đã đạt được:.....
- Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....
- Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....
- Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

III. TỰ NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM
CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NĂM 20.....**

TT	Tên sản phẩm	Tên doanh nghiệp, Cơ sở	Địa chỉ, ĐT liên hệ	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
....				

....., ngày tháng năm

CHỦ TỊCH

(ký tên và đóng dấu)

8. Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

8.1. Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng) xem xét và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, tổ chức, cá nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

8.2. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

8.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

+ Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

+ Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất.

8.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Phụ lục 13 (Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

8.8. Phí, lệ phí:

Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- *Phí thẩm định điều kiện kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.*

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục 10 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.

- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP về sản xuất, kinh doanh rượu;

- *Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.*

Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

Phụ lục 10

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng UBND Quận (Huyện).... Tỉnh (Thành phố)...⁽¹⁾

.....⁽²⁾

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

9. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

9.1. Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng) xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, tổ chức, cá nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

9.2. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

9.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung.

+ Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

9.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép đã được cấp.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...) Phụ lục 15 (Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

9.8. Phí, lệ phí:

Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- *Phí thẩm định điều kiện kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.*

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục 11 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014).

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.
- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP về sản xuất, kinh doanh rượu.

- *Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.*

Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

Phụ lục 11

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...⁽¹⁾

⁽²⁾

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do phải cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

10. Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

10.1. Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận, thu phí, viết giấy hẹn và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng) xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, tổ chức, cá nhân xin cấp phép liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nộp lệ phí và nhận kết quả.

10.2. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

10.3.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

- Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh lập 02 bộ Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại.

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

10.3.2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, hết thời hạn hiệu lực; Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế và hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (cấp lại lần thứ...). Phụ lục 14 (Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).

10.8. Phí, lệ phí:

Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- *Phí thẩm định điều kiện kinh doanh: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.*

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục số 12 kèm theo Thông tư 60/2014/TT-BCT).

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công.

- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với trường hợp Giấy phép hết hạn: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

- Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP về sản xuất, kinh doanh rượu;

- *Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.*

Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

Phụ lục 12

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...⁽¹⁾
.....⁽²⁾

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau⁽⁵⁾

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....⁽³⁾

Quy mô sản xuất.....⁽⁴⁾

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn vị, chủ thể sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ :Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

⁽²⁾: Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

⁽⁵⁾: Lý do phải cấp lại Giấy phép.